

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 06/2024/DS - PT

Ngày: 15/01/2024

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuỷ và Lê Quý My

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thuỷ Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2023/TLPT - DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất.

Do bản dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS - ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/QĐPT - DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông An Thành V, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số nhà I, tổ A, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1974 và chị Hoàng Thị H, sinh năm 1982 (vợ anh M)

Cùng địa chỉ: Số nhà B, tổ A, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (đều có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị M1, sinh năm 1962 (vợ ông V);

Địa chỉ: Số nhà I, tổ A, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông An Thành V trình bày: Nguồn gốc đất ông đang sử dụng là mua của bà Nguyễn Thị Liên t năm 1989 đến năm 2007 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 131 tờ bản đồ số 12 diện tích 471,7m². Quá trình sử dụng đến năm 2019 thì xảy ra tranh chấp do gia đình nhà anh M, chị H chiếm dụng đất của gia đình ông, ông đã nhắc nhưng anh

M, chị H vẫn lợp mái tôn, đổ bê tông trên phần đất của gia đình dẫn đến xảy ra xô xát, sự việc đã được hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh M, chị H trả lại gia đình ông diện tích đất đã lấn chiếm khoảng 7m² và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất.

Bị đơn anh M và chị H trình bày: Năm 2012 gia đình anh có mua của ông Nguyễn Quốc S và bà Ngô Thị N 74,6m² đất thổ cư tại thửa đất 138 tờ bản đồ số 12, gia đình anh đã sử dụng làm nhà ở không có tranh chấp. Năm 2014 gia đình anh có mua thêm của ông S bà N 80m² đất thửa số 137 tờ bản đồ số 12, khi mua ông S chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 137 này. Sau khi mua xong, gia đình anh tự nhờ người đến làm thủ tục và tự đặt tên thành thửa số 761 tờ bản đồ số 12, khi mua có giấy tờ viết tay chưa có công chứng, chứng thực. Sau khi mua xong gia đình anh đã sử dụng, dựng mái tôn để xe và vật dụng gia đình thì xảy ra tranh chấp với ông V. Ông V cho rằng đất của gia đình ông V là không đúng mà đây là đất thủy lợi, hành lang, đường mương thoát nước của khu dân cư, nếu gia đình anh sử dụng không đúng cũng không ảnh hưởng đến gia đình ông V nên không nhất trí với yêu cầu của khởi kiện của ông V. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị M1 vợ ông V có đồng quan điểm với ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông V, buộc anh M chị H tháo dỡ tài sản trả lại cho gia đình ông V 3,8m² đất, và buộc bị đơn phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên tại bản án sơ thẩm số 27/2023/DS - ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông An Thành V.

1. Buộc anh Nguyễn Văn M và chị Hoàng Thị H tháo dỡ công trình bê tông và phần mái tôn trả lại cho ông An Thành V và bà Dương Thị M1 3,8m² đất theo sơ đồ 2, 3, u, o, n, k, i, 1, h, g, 2 thuộc thửa đất số 131 tờ bản đồ 12, phường G T, tỉnh Thái nguyên (có sơ đồ kèm theo).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc anh M chị H trả cho ông An Thành V 9.000.000đ (chín triệu đồng) chi phí do ông V đã ứng trước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2023 anh Nguyễn Văn M2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm không công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp là của ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của anh M thấy rằng: Thửa đất số 131 tờ bản đồ số 12 phường G ông V đã được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 2007, ông V đã xây tường rào quanh khu đất và làm cổng sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Năm 2013 gia đình anh M chị H là hộ gia đình mua đất về ở và lợp mái tôn trên phần đất của gia đình ông V. Theo kết quả đo đạc anh M lần 3,8m². Còn phía anh M cho rằng nguồn gốc diện tích đất anh M và chị H có được là do mua của ông S bà N (có giấy tờ viết tay bản phô tô) không có công chứng, chứng thực. Ông S và N khi bán cũng chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh M và chị H còn cho rằng có sử dụng phần đất là đất hành lang, đất nương nước, tuy nhiên tài liệu chứng cứ như biên bản do UBND phường G lập ngày 20/10/2020; ngày 13/8/2020; biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 06/4/2023 và kết quả đo đạc đều thể hiện phần đất tranh chấp thuộc thửa đất 131 tờ bản đồ số 12 ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2]. Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông An Thành V được cấp năm 2007; Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc của Công ty M3 có đủ cơ sở để xác định diện tích 3,8m² ông V khởi kiện thuộc thửa đất 131 tờ bản đồ 12 ông V đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, do đó ông V khởi kiện buộc anh M chị H tháo dỡ các tài sản trả lại gia đình ông V 3,8m² đất như cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ.

[3]. Anh M kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh diện tích đất tranh chấp 3,8m² là thuộc đất của mình nên cần bác kháng cáo của anh M giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DSST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí: Anh M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh M đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000491 ngày 08/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Thái nguyên;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- UBND TP Thái Nguyên;
- UBND phường Gia Sàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quế

